

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày 06-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hồng Vân.
2. Bà Nguyễn Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị QuY - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo pháp luật” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 202, giữa các đương sự:

1. NguY đơn:

+ Bà Lương Thị T; địa chỉ: Số 33/99 đường Nguyễn Văn H, tổ 15, phường T, quận H, thành phố H. Có mặt.

+ Bà Lương Thị H; địa chỉ: Tổ 5, Ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Cụ Đình Thị Y, sinh năm 1946; địa chỉ: Tổ 15, phường T, quận H, thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cụ Đình Thị Y và bà Lương Thị H là bà Lương Thị T, theo giấy ủy quyền ngày 10/6/2020 tại Văn phòng Công chứng Toàn Cầu, số 55&57 Chợ Hàng, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư L 3, phường T, quận H, thành phố H. Nơi ở: Số 35/99 đường Nguyễn Văn H, tổ 15, phường T, quận H, thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Công T và ông Nguyễn Ngọc T Luật sư Công ty Luật TNHH K, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ trụ sở: Số 70, ngõ N, phố Giang Văn M, phường K, quận B, thành phố H. Ông T vắng mặt, ông T có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuY án.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lương Thị PH Thảo; địa chỉ: Số 517, tổ 11B, khu 4A, phường H, thành phố H, tỉnh Q; Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuY án.

+ Anh Lương Minh Q, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư L 3, phường T, quận H, thành phố H. Nơi ở: Số 35/99 đường Nguyễn Văn H, tổ 15, phường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của anh Quang là bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2020 của nguY đơn, bản tự khai, đơn trình bày, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của đồng nguY đơn trình bày:

Cụ Lương Phú M và cụ Đình Thị Y về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1965 và sinh được 03 người con là:

1. Lương Minh C (tên gọi khác Lương Phú B), sinh năm 1966;
2. Lương Thị H, sinh năm 1968;
3. Lương Thị T, sinh năm 1971.

Ngoài ba người con này các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi còn nhỏ ba anh chị em sống cùng bố mẹ, sau cả ba trưởng thành đều xây dựng gia đình và có nơi ở riêng. Năm 1992, ông Lương Minh Chiến kết hôn với bà Nguyễn Thị T, sinh được hai người con là chị Lương Thị PH Thảo, sinh năm 1993 và anh Lương Minh Quang, sinh năm 2004.

Ngày 28/12/2015 Cụ Lương Phú Mậu chết không để lại di chúc. Ngày 05/4/2020 Ông Lương Minh Chiến chết không để lại di chúc.

Trong thời gian chung sống, cụ Mậu và cụ Y tạo lập được khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất trên có căn nhà mái bằng, diện tích khoảng hơn 200 m² tại Khu dân cư T (nay là số nhà 35/99, đường Nguyễn Văn H), tổ 15, phường T, quận H, thành phố H. Năm 2005 cụ Mậu và cụ Y đã bán lại cho bà T một phần đất nên diện tích đất còn lại của hai cụ chỉ còn 108,4m² và đã được Ủy ban nhân dân quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 059988, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00714 do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 20/11/2006 cho người sử dụng đất là ông Lương Phú Mậu và bà Đình Thị Y. Như vậy khối tài sản này là tài sản chung của các cụ. Khi cụ Mậu chết không để lại di chúc nên phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung là di sản của cụ Mậu để lại chưa chia.

Những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Mậu để lại theo pháp luật gồm: Cụ Đình Thị Y, ông Lương Minh Chiến, bà Lương Thị H, bà Lương Thị T. Do ông Lương Minh Chiến chết năm 2020 không để lại di chúc nên phần thừa kế của ông Chiến sẽ được chia cho cụ Y là mẹ đẻ và vợ cùng các con của ông Chiến. Căn nhà trên đất có từ trước do các cụ xây dựng lên, đến năm 2007 ông Chiến sau khi bán nhà dưới Trảng Cát đi thì có dọn về ở cùng các cụ và có xây sửa lại căn nhà.

Về bản di chúc bị đơn nộp cho Tòa án: NguY đơn không đồng ý với bản di chúc vì bản di chúc chỉ là bản phô tô, hơn nữa chữ ký trong bản di chúc đều không phải là của cụ Mậu và cụ Y.

Vì vậy, nguY đơn vẫn giữ nguY yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ Lương Phú Mậu để lại và Phần di sản của ông Chiến để lại theo quy định pháp luật.

Phần di sản bà H và bà T được hưởng, hai bà nhất trí giao lại cho Cụ Y sử dụng, ngoài ra nguY đơn đồng ý hỗ trợ cho mẹ con bà T số tiền là 450.000.000 đồng là phần di sản được hưởng khi chia thừa kế và bà T cùng anh Quang phải có nghĩa vụ dọn đi nơi khác và bàn giao lại toàn bộ tài sản trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Cụ Mậu, cụ Y đã cho vợ chồng Chiến T thừa đất có diện tích 108,4 m² tại địa chỉ số 35 ngõ 99 đường Nguyễn Văn H, tổ 15, phường T, quận H, thành phố H nhưng do chồng bà T là Lương Minh Chiến mải chơi, cụ Mậu, cụ Y sợ để lại ông Chiến sẽ bán mất ăn tiêu hết nên đã viết bản di chúc để lại cho 2 cháu nội là Lương Thị PH Thảo và Lương Minh Quang. Bản di chúc đó mặc dù là bản phô tô, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nhưng có chữ ký của 3 người làm chứng, ngoài ra các bên đương sự đều thừa nhận cụ Mậu và cụ Y không còn khối tài sản nào khác. Vì vậy, bản di chúc đó là hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2020, tại các phiên hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn trình bày bổ sung:

Bị đơn nhất trí với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và có trình bày bổ sung: Vì bà Lương Thị H và bà Lương Thị T đã được cụ Y bán nhà ở số nhà 580A Ngô Gia Tự chia cho mỗi người một ít, bà Lương Thị H được cho 20 triệu, bà Lương Thị T được cho 15 triệu và mảnh đất bà Lương Thị T đang sinh sống ở số nhà 33/99 đường Nguyễn Văn H, tổ 15, phường T, quận H, thành phố H. Thời điểm chưa bán nhà mặt đường Ngô Gia Tự thì có cụ Y và vợ chồng bà cùng con gái Lương Thị PH Thảo sinh sống. Đến năm 1999 bán nhà đi thì về nhà số 35/99 Nguyễn Văn H sinh sống. Thời điểm bán nhà năm 1999 được 125 triệu, số tiền này thời điểm đó là rất lớn có thể mua được nhiều căn nhà khác. Với số tiền cụ chia cho 2 bà H và bà T thì 2 bà hoàn toàn có thể mua được một căn nhà hoặc một mảnh đất riêng. Năm 2007 gia đình bà cùng cụ Y về chung sống cùng cụ Mậu trên diện tích đất đang có trang chấp từ đó cho đến nay. Phần ngôi nhà xây mới là do vợ chồng bà bỏ tiền ra xây dựng nên.

Về bản di chúc: Hiện bà chỉ còn bản phô tô, khi viết di chúc thì mọi người trong gia đình đều biết, hàng xóm, họ hàng đều biết. Và 2 bà Lương Thị H và Lương Thị T cũng biết rất rõ nhưng các bà đều không có ý kiến gì. Bà T còn đọc bản di chúc nhưng không có ý kiến gì, lúc đó cụ Mậu còn sống và hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn. Do đó, bản di chúc đó hoàn toàn hợp pháp nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguY đơn, đề nghị thực hiện theo bản di chúc mà cụ Lương Phú Mậu đã để lại cho 2 cháu nội là Lương Thị PH Thảo và Lương Minh Quang.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị PH Thảo trình bày:

Chị xác nhận chị và Lương Minh Quang là con chung của ông Lương Minh Chiến (tên gọi khác là Lương Phú Bình) và bà Nguyễn Thị T. Chị đồng ý với lời trình bày của bị đơn. Quan điểm của chị là không đồng ý với yêu cầu của các cô và bà muốn chia phần diện tích đất ông Mậu để lại theo quy định pháp luật. Vì ông Mậu đã viết di chúc để lại căn nhà và diện tích đất đất cho 2 chị em chị nên chị đề nghị thực hiện theo bản di chúc này.

Người đại diện hợp pháp cho anh Lương Minh Quang là bà Nguyễn Thị T trình bày: Nhất trí với toàn bộ lời trình bày của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã trình bày và không bổ sung gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. NguY đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguY đơn theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Về nguồn gốc diện tích đất là di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất về quan hệ hôn nhân, huyết thống và tài sản của cụ Lương Phú Mậu và cụ Đình Thị Y đã có. Tài sản của cụ Mậu và cụ Y là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Khu dân cư T (nay là số nhà 35/99, đường Nguyễn Văn H), tổ 15, phường T, quận H, thành phố H, thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 02, có diện tích là 108,4 m². Được Ủy ban nhân dân quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 059988, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00714 do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 20/11/2006 cho người sử dụng đất là ông Lương Phú Mậu và bà Đình Thị Y. Vì vậy đây là tài sản chung của cụ Mậu và cụ Y. Như vậy di sản thừa kế của cụ Mậu là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên (54,2 m²).

Đối với tài sản trên đất: Theo lời khai của nguY đơn thì năm 2007 ông Chiến có dọn về ở cùng bố mẹ nguY đơn và xây sửa lại căn nhà. Theo lời khai của bà T vợ chồng bà vào năm 2007 có về sinh sống cùng bố mẹ chồng và xây dựng nhà

kiên cố để sống, là một căn nhà mái bằng rộng hơn 50m² vào năm 2007, sau này tiếp tục coi nói thêm. Thông qua lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Đình Chúc, bà Nguyễn Thị Chiêu thì căn nhà có từ trước năm 2007 như vậy có thể xác định ngôi nhà trên diện tích đất trên là tài sản của vợ chồng cụ Mậu, khi vợ chồng Chiến T về đã có công xây dựng và tu tạo thêm. Vì vậy đối với tài sản trên đất có căn cứ chấp nhận một phần công sức tu tạo của vợ chồng Chiến T. Vì vậy đối với phần tài sản trên đất xác định: 1/2 giá trị tài sản là công sức tu tạo của vợ chồng Chiến T, 1/2 giá trị tài sản là tài sản chung của vợ chồng cụ Mậu.

Về tính hợp pháp của bản di chúc: Xét bản di chúc viết năm 2005 do bà T cung cấp:

- Là bản di chúc phô tô, không được công chứng, không còn bản gốc;
- Ông Mậu đã kí một mặt đầu tiên của bản di chúc, không kí mặt sau, các trang không được đánh số;
- Bản di chúc phô tô có hai tờ, tờ thứ nhất một mặt có chữ một mặt trắng, tờ thứ hai cả hai mặt đều có chữ;
- Bản di chúc phô tô có bốn chữ kí của bốn người làm chứng bao gồm ba người đã được nêu trong lời khai của bị đơn ở mặt thứ nhất tờ thứ hai và bà Đinh Thị Hồng Y (vợ ông Mậu) ở mặt sau tờ thứ hai.

Trong trường hợp này bản di chúc gốc chỉ còn bản phô tô nên tính xác thực của di chúc không còn, bản di chúc chỉ được chấp nhận khi các đồng thừa kế thừa chấp nhận bản di chúc trên. Tuy nhiên các đồng thừa kế đều phủ nhận việc ông Mậu để lại di chúc. Như vậy không có căn cứ chấp nhận bản di chúc mà chị T cung cấp.

Vậy, nguY đơn khởi kiện chia di sản thừa kế tài sản của ông Lương Phú Mậu chết không để lại di chúc theo quy định pháp luật là có cơ sở cần được chấp nhận.

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 159 Điều 165, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 634, 637, 640, 646, 649, 652, 653, 657, 669, 676 và Điều 677 của Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn về việc chia di sản thừa kế. Cụ thể:
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn chia di sản của cụ Mậu và anh Chiến theo pháp luật;
- Cụ Y nhận quản lý số di sản của cụ Mậu để lại và có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế số tiền tương ứng như sau:

Thanh toán cho bà H, bà T mỗi người số tiền là: 217.006.250 đồng. Thanh toán cho bà T số tiền 123.032.812 đồng. Thanh toán cho chị Thảo và anh Quang mỗi người số tiền là: 68.007.812 đồng. Do anh Quang còn nhỏ tạm giao số tiền này cho bà T quản lý.

Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi người phải chịu án phí tương ứng với phần di sản mình nhận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về “tranh chấp chia di sản thừa kế”, là nhà và đất tại số 35/99 đường Nguyễn Văn H, tổ 15, phường T, quận H, thành phố H nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo khoản 6, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Tòa án nhân dân quận H, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, Viện Kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập tài liệu chứng cứ, xét xử công khai đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: NguY đơn đã chấp hành nghiêm, đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có mặt tại Tòa án trong một số lần hòa giải, phiên tòa lần đầu nên bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chấp hành chưa nghiêm túc các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án đã giải thích cho bị đơn biết các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục yêu cầu phản tố. Sau khi nghe tòa án phân tích bị đơn đã đề nghị được rút lại đơn phải tố cùng các giấy tờ kèm theo.

[5] Xét tính hợp pháp của bản di chúc bị đơn giao nộp:

- Bản di chúc là bản phô tô, Tòa án đã yêu cầu bị đơn xuất trình bản gốc đối chiếu nhưng bị đơn không xuất trình được.

- Về hình thức: Bản di chúc là bản phô tô, có chữ ký tên Lương Phú Mậu và Đinh Thị Hồng Y và 3 người làm chứng nhưng không có chứng thực, các trang của

bản di chúc không có chữ ký hay điểm chỉ của người để lại di chúc. Mặt khác người để lại di chúc là cụ Mậu sau khi đã ký nhận vào bản di chúc mới đem cho người làm chứng ký. Người ký nhận để lại di chúc là cụ Y không thừa nhận bản di chúc.

- Nội dung: Di chúc chỉ ghi để lại tài sản cho người nhận chứ di chúc không nêu rõ là tài sản gồm những gì.

Như vậy, hình thức và nội dung bản di chúc bị đơn gửi tòa án đều không phù hợp với quy định tại Điều 630 và 631 Bộ luật Dân sự nên bản di chúc này là không hợp pháp. Không chấp nhận với yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án về việc chia thừa kế theo di chúc.

[6] Về nội dung tranh chấp: NguY đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không có ý kiến về quan hệ hôn nhân của cụ Mậu và cụ Y và tài sản đứng tên các cụ. Nghĩa là tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng cụ Mậu và cụ Y. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn về việc chia phần di sản thừa kế thuộc phần sở hữu của cụ Lương Phú Mậu để lại theo quy định pháp luật.

[7] Về thời hiệu khởi kiện: Thời điểm cụ Mậu chết năm 2015 đến thời điểm các đồng nguY đơn khởi kiện là ngày 23 tháng 6 năm 2020. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của các đồng nguY đơn vẫn còn theo quy định tại Điều 611, 623 Bộ luật Dân sự.

[8] Về hàng thừa kế: Di sản tranh chấp là phần tài sản trong khối tài sản chung thuộc quyền sở hữu của cụ Lương Phú Mậu và cụ Đinh Thị Y nên hàng thừa kế thứ nhất được hưởng là Cụ Y, bà H, bà T và ông Chiến. Do ông Chiến đã chết năm 2020 nên cụ Y, bà T là vợ cùng các con là chị Thảo, anh Quang là những người được hưởng thừa kế thế vị theo quy định của pháp luật.

[9] Về chia di sản:

- Về đất: Diện tích đất 108,4 m² là tài sản chung của cụ Mậu, cụ Y. Phần của mỗi cụ là 54,2 m². Phần diện tích đất của cụ Mậu được chia đều cho 4 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là cụ Y, bà H, bà T, ông Chiến. Mỗi người sẽ nhận được 13,55 m² đất.

Theo kết quả Biên bản Định giá tài sản ngày 17/3/2021 tại Tòa án, Hội đồng Định giá trong Tổ tụng quận H đã thống nhất:

Theo giá thị trường tại thời điểm là 15.000.000 đồng/m². Tổng giá trị đất = 108,4 m² x 15.000.000 đồng = 1.626.000.000 đồng.

Như vậy, cụ Y, bà H, bà T, ông Chiến mỗi người nhận được 13,55 m² đất, tương đương giá trị bằng tiền là 13,55 m² x 15.000.000 đ/m² = 203.250.000 đồng.

- Về tài sản trên đất: 01 nhà mái bằng diện tích 71,71 m², nhà 2 gian lợp tôn kim loại, diện tích 22,32 m², xung quanh có tường bao, cổng sắt, rào sắt, sân gạch, mái hiên lợp tôn kim loại.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 1005/2020/CTTĐG- DONAVA ngày 25/01/2021 của Công ty cổ phần giám định- thẩm định Đông Nam Á và biên bản

định giá ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng Quận H. Tổng giá trị tài sản là 220.100.000 đồng.

Các nguY đơn đều thừa nhận nhà xây dựng trước năm 2007, bị đơn khai nhận nhà do vợ chồng đứng ra bỏ tiền xây. Tuy nhiên bị đơn thừa nhận năm 2007 vợ chồng bị đơn mới về ở chung cùng cụ Mậu, mặt khác tài liệu mà phía bị đơn cung cấp không đủ điều kiện chứng minh việc bị đơn bỏ tiền ra để xây dựng ngôi nhà này, xác minh tại địa pH người làm chứng ông Nguyễn Đình Chúc và bà Đặng Thị Chiêu đều cho biết ông Mậu sống tại địa chỉ này đã lâu từ trước năm 2007. Vì vậy cần phải xác định ngôi nhà này cũng là tài sản chung của cụ Mậu và cụ Y, Ông Chiến và bà T chỉ có công gìn giữ tôn tạo và được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị là phù hợp, tương đương với số tiền là $220.100.000 \text{ đồng} / 2 = 110.050.000 \text{ đồng}$.

Vậy phần di sản trên đất của cụ Mậu để lại tương đương với số tiền là $110.050.000 \text{ đồng} / 2 = 55.025.000 \text{ đồng}$. Cụ Y, bà T, bà H, ông Chiến mỗi người sẽ được hưởng tương đương số tiền $13.756.250 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng giá trị tài sản cụ Y, bà T, bà H, ông Chiến được chia từ di sản cụ Mậu để lại tương đương với số tiền là: $203.250.000 \text{ đồng} + 13.756.250 \text{ đồng} = 217.006.250 \text{ đồng}$.

[10] Do ông Lương Minh Chiến chết năm 2020 không để lại di chúc nên phần thừa kế được hưởng của ông Chiến sẽ được chia cho mẹ ông Chiến là cụ Đình Thị Y, vợ ông Chiến là bà Nguyễn Thị T và hai con ông Chiến là Lương Thị PH Thảo và Lương Minh Quang.

Cụ thể:

Về đất: Mỗi người được hưởng là: $13,55 \text{ m}^2 / 4 = 3,3875 \text{ m}^2$ đất tương đương với số tiền là $3,3875 \text{ m}^2 \times 15.000.000 \text{ đồng} = 50.812.500 \text{ đồng}$;

Về phần trị giá tài sản trên đất: Mỗi người được hưởng là: $(55.025.000 \text{ đồng} + 13.756.250 \text{ đồng}) : 4 = 17.195.312 \text{ đồng}$.

Như vậy: Cụ Y, bà T, chị Thảo, anh Quang mỗi người sẽ nhận được phần tài sản từ phần thừa kế ông Chiến được hưởng tương đương với số tiền là: $50.812.500 \text{ đồng} + 17.195.312 \text{ đồng} = 68.007.812 \text{ đồng}$. Bà Nguyễn Thị T được nhận thêm phần tài sản chung trên đất với ông Chiến là 55.025.000, tổng bà T được nhận là 123.032.812 đồng.

[11] Nhận thấy diện tích đất chia cho các đồng thừa kế bà T, chị Thảo, anh Quang được nhận, do diện tích nhỏ không đủ điều kiện để sử dụng cũng như cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần giao lại cho cụ Y sở hữu và cụ Y phải có nghĩa vụ trả bằng tiền cho bà T, chị Thảo và anh Quang. Vì vậy xét theo điều kiện thực tế cụ Y được giao quản lý và sử dụng thửa đất cũng như tài sản trên đất là phù hợp và cụ Y có nghĩa vụ thanh toán số tiền tương ứng với các đồng thừa kế cụ thể: Thanh toán cho bà H, bà T mỗi người số tiền là: 217.006.250 đồng. Thanh toán cho bà T số tiền 123.032.812 đồng. Thanh toán cho chị Thảo, anh Quang mỗi người số tiền là: 68.007.812 đồng. Do anh Quang còn nhỏ tạm giao số tiền này cho bà T quản lý.

Phần diện tích và giá trị tài sản trên đất mà bà H, bà T được nhận thì các bà đồng ý để lại cho cụ Y quản lý sử dụng nên cụ Đình Thị Y sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền trị giá đất cùng với giá trị tài sản trên đất tương ứng với phần bà T, chị Thảo, anh Quang được hưởng là: $68.007.812 \text{ đồng} \times 3 = 204.023.436 \text{ đồng}$. Cụ Y phải trả thêm cho bà T số tiền công gìn giữ, tôn tạo nhà là: 55.025.000 đồng.

[12] Xét số tiền bà T, chị Thảo và anh Quang được hưởng thấp hơn so với số tiền mà phía nguY đơn tự nguyện hỗ trợ là 450.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xét việc hỗ trợ của phía nguY đơn là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận, các đồng nguY đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hỗ trợ là: 450.000.000 đồng – 259.048.436 đồng = 190.951.564 đồng. Do chị Thảo có gia đình riêng, anh Quang còn nhỏ nên số tiền đó giao cho bà T quản lý và có trách nhiệm thanh toán cho chị Thảo và anh Quang.

Bà T, anh Quang có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ nhà và đất nói trên cho cụ Y quản lý, sử dụng. Cụ Y có nghĩa vụ làm thủ tục giấy tờ với cấp chính quyền đối với khối tài sản mà mình sở hữu.

[13] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật. Cụ Đình Thị Y là người già trên 60 tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí đối với cụ Y.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 159 Điều 165, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 611, 612, 623, 627, 631, 634, 649, 652, 660 của Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TuY xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguY đơn bà Lương Thị T, bà Lương Thị H, cụ Đình Thị Y về việc chia di sản thừa kế.

2. Chia di sản thừa kế là tài sản của ông Lương Phú Mậu theo quy định pháp luật:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, bà H về việc tạm giao lại phần tài sản thừa kế là phần diện tích đất và phần tài sản trên đất mà bà T, bà H được hưởng theo quy định pháp luật cho cụ Đình Thị Y quản lý và sử dụng.

- Cụ Đình Thị Y là đồng sở hữu nhà, đất diện tích là 108,4m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 02 Được Ủy ban nhân dân quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 059988 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00714 do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 20/11/2006 cho người sử dụng đất là cụ Lương Phú Mậu và cụ Đình Thị Y.

- Bà Nguyễn Thị T, chị Lương Thị PH Thảo, anh Lương Minh Quang, mỗi người được nhận phần di sản thừa kế với số tiền là 68.007.812

(Sáu mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn tám trăm mười hai đồng). Bà T, chị Thảo, anh Quang còn được nhận thêm số tiền hỗ trợ từ đồng nguY đơn là 190.951.564 (Một trăm chín mươi triệu chín trăm năm mươi một nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng). Tổng số tiền bà T, chị Thảo, anh Quang được nhận là: 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Cụ Đinh Thị Y có trách nhiệm trả số tiền được hưởng thừa kế cho bà T là 68.007.812 (Sáu mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn tám trăm mười hai đồng); chị Thảo là: 68.007.812 (Sáu mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn tám trăm mười hai đồng); anh Quang là: 68.007.812 (Sáu mươi tám triệu không trăm linh bảy nghìn tám trăm mười hai đồng). Cụ Y trả cho chị T số tiền công xây dựng tu tạo nhà cửa là 55.025.000 (Năm mươi năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Cụ Y, bà T, bà H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền hỗ trợ cho bà T, chị Thảo, anh Quang là 190.951.564 (Một trăm chín mươi triệu chín trăm năm mươi một nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng).

4. Giao cho cụ Đinh Thị Y được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 108,4 m² cùng toàn bộ tài sản trên đất là ngôi nhà mái bằng 1 tầng tại địa chỉ số nhà 35/99 đường Nguyễn Văn H, tổ 15, phường T, quận H, thành phố H. Cụ Y có nghĩa vụ làm các thủ tục giấy tờ về nhà đất với cấp cơ quan có thẩm quyền.

Bà T, anh Quang có trách nhiệm bàn giao lại nhà, đất nêu trên cho cụ Y quản lý, sử dụng.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Bà T phải nộp số tiền là 10.850.313 (mười triệu tám trăm năm mươi nghìn ba trăm mười ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 6.667.000 (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017997 ngày 08/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H. Bà T còn phải nộp số tiền là 4.183.313 (Bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm mười ba đồng).

Bà Lương Thị H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.850.313 (Mười triệu tám trăm năm mươi nghìn ba trăm mười ba) đồng.

Bà Nguyễn Thị T, chị Lương Thị PH Thảo, anh Lương Minh Quang mỗi người phải số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.400.391 (ba triệu bốn trăm nghìn ba trăm chín một) đồng.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Đinh Thị Y.

7. Về quyền kháng cáo: NguY đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuY án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKS ND TP. H;
- VKS ND quận H;
- Chi cục THA DS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hằng Dương Thị Hồng Vân

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKS ND TP. H;
- VKS ND quận H;
- Chi cục THA DS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

Cụ Mậu và cụ Y ở mỗi người một gian nhà. Vợ chồng anh Chiến và chị T không quan tâm đến cụ Y. Hàng ngày mẹ chồng và nàng dâu suốt ngày xảy ra xung đột, cãi nhau. Chính vì thấy hoàn cảnh của cụ Y như vậy, nên Hội phụ nữ ở phường, mặt trận tổ quốc phường đứng ra kêu gọi và chị em bà cũng thêm vào 15 triệu xây cho cụ Y một gian nhà 12m² đi ngõ riêng nhằm tránh va chạm với bà T. Và để tiện chăm sóc mẹ, bà H đã đón mẹ vào trong Bình Phước để tiện chăm sóc. Nên bà T cho rằng 2 chị em tôi là T và H đã được chia cho tiền để mua đất rồi là không có cơ sở. Vì vợ chồng anh Chiến, chị T cũng được mẹ tôi chia cho như thế. Còn việc tài sản bố tôi chết không để lại di chúc chia theo quy định pháp luật. Ai cũng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau.

Trên đất có tài sản là 01 căn nhà mái bằng xây dựng năm 2007 có cơ sở, sửa chữa cuối năm 2020 (Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần giám định – thẩm định Đông Nam Á).

Bản di chúc bị đơn xuất trình chỉ có bản phô tô, không có bản gốc, về hình thức và nội dung đều không phù hợp các quy định của pháp luật. Diện tích đất ông Mậu, bà Y đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên 2

ông bà. NguY đơn đề nghị chia phần tài sản ông Mậu chết không để lại di chúc theo quy định pháp luật. Người được hưởng gồm bà Y, bà H, bà T, Anh Chiến (do anh Chiến chết không để lại di chúc nên phần của anh Chiến được hưởng sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Y, bà T, chị Thảo và cháu Quang). Do bản di chúc bị đơn giao nộp chỉ là bản phô tô nên khôn Do Bà Đinh Thị Y đang là chủ sở hữu hợp pháp của diện tích 54,2 m² (một nửa trong số 108,4 m² là tài sản chung của bà Y và ông Mậu) cùng với phần di sản thừa kế bà được nhận từ ông Mậu là 13,55m² và con trai là 3,3875 m² (tổng 2 phần là 16,9375 m²). Tổng diện tích thuộc sở hữu của bà Y và phần di sản thừa kế bà được nhận là: 71,1375 m². Bà Đinh Thị Y có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T, chị Lương Thị PH Thảo, anh Lương Minh Quang phần tài sản được hưởng trong đó có một phần giá trị căn nhà trên tương ứng với số tiền là 272.437.500 đồng.

Nên bà Đinh Thị Y có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho 3 mẹ con chị T. Sau khi thanh toán xong số tiền này thì phần tài sản trên đất và diện tích đất của 3 mẹ con chị T sẽ do bà Y quản lý và sử dụng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

g thể xác định được tính hợp pháp của bản di chúc này.